

Số: 74/KH-UBND

Cần Thơ, ngày 16 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH
Hành động của thành phố Cần Thơ về dinh dưỡng đến năm 2020

Căn cứ Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới và Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2020. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch hành động của thành phố Cần Thơ về dinh dưỡng đến năm 2020, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân về dinh dưỡng; bảo đảm thực hiện công tác chăm sóc dinh dưỡng giai đoạn 1000 ngày đầu đời từ lúc bà mẹ có thai đến khi trẻ tròn 2 tuổi để phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em một cách có hiệu quả.

1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.

- a) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn thành phố xuống dưới 21,5%;
- b) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 5%;
- c) Giảm tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ thiếu năng lượng trường diễn xuống dưới 12%;
- d) Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2500 gam) xuống dưới 8%;
- đ) Tăng tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt trên 35%.

2. Giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của người dân.

- a) Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng Vitamin A huyết thanh thấp dưới 11%;
- b) Giảm tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới 23%;
- c) Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 15%;
- d) Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối I-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh trên 90%, mức trung vị I-ốt niệu của bà mẹ có con dưới 5 tuổi đạt từ 10 đến 20 $\mu\text{g}/\text{dl}$.

3. Cải thiện tầm vóc của người dân.

- a) Tăng chiều cao của trẻ em trai và trẻ em gái 5 tuổi từ 1,5 cm - 2,0 cm so với năm 2010 của quốc gia;
- b) Tăng chiều cao đạt được của người trưởng thành theo giới 1,0 - 1,5 cm so với năm 2010 của quốc gia.

4. Cải thiện số lượng và chất lượng bữa ăn của người dân, từng bước kiểm soát tình trạng thừa cân - béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng ở người trưởng thành.

- a) Giảm tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1.800 Kcal xuống 5%;
- b) Không chế tỷ lệ thừa cân - béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức 10%;
- c) Không chế tỷ lệ thừa cân - béo phì ở người trưởng thành ở mức dưới 12%;
- d) Giảm mức tiêu thụ muối trung bình ở người trưởng thành xuống dưới 7gam/người/ngày.

5. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế.

- a) 100% viên chức chuyên trách dinh dưỡng tuyến thành phố được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng;
- b) 100% viên chức chuyên trách dinh dưỡng tuyến quận, huyện (sau đây gọi tắt là huyện), xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng;
- c) 95% bệnh viện tuyến thành phố và 50% bệnh viện tuyến huyện có viên chức dinh dưỡng tiết chế và thực hiện tư vấn, kê thực đơn dinh dưỡng cho điều trị một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù.

II. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về truyền thông và vận động xã hội.

- a) Sử dụng mạng lưới truyền thông tuyến thành phố, huyện, xã tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng.
- b) Cung cấp các tài liệu, chương trình truyền thông, tư vấn về sức khỏe và dinh dưỡng phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng, chú trọng nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý của phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người chăm sóc, học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên, người lao động và người bệnh.
- c) Tăng cường truyền thông trực tiếp đến các đối tượng, xã có tỉ lệ suy dinh dưỡng cao.
- d) Thực hiện có hiệu quả truyền thông tiếp thị xã hội để phòng chống thiếu vi chất cho người dân.
- đ) Vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và cung ứng thực phẩm an toàn.

2. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật.

- a) Tập trung chăm sóc dinh dưỡng cho 1000 ngày đầu đời, bao gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; chế độ ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ; đảm bảo nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.
- b) Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao:
 - Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em và bà mẹ sau sinh; đa vi chất cho trẻ em; viên sắt đa vi chất cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và cho con bú; kẽm cho trẻ bị tiêu chảy;
 - Thực hiện tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Triển khai các hoạt động dinh dưỡng hợp lý tại trường học:

- Giáo dục, truyền thông, tư vấn thay đổi hành vi cho học sinh và cha mẹ học sinh về nhu cầu dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực. Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì nhằm phát triển tốt về tầm vóc và thể chất.

- Hướng dẫn, tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh bán trú, nội trú trong trường học. Có các quy định nhằm hạn chế tiếp cận với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe học sinh.

- Hướng dẫn tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ.

- Theo dõi tình trạng dinh dưỡng học sinh, duy trì tẩy giun định kỳ.

d) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân - béo phì và các bệnh không lây nhiễm tại các tuyến.

đ) Triển khai hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

e) Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, giám sát thường quy và tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện của Kế hoạch.

3. Giải pháp về nguồn lực.

a) Củng cố và phát triển đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới viên chức chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở tuyến cơ sở.

b) Nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý điều hành các chương trình, hoạt động dinh dưỡng cho viên chức ở các cấp và ngành liên quan. Huy động sự tham gia của cộng tác viên công tác xã hội thuộc các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

c) Đào tạo nhân lực về dinh dưỡng chuyên sâu, dinh dưỡng tiết chế trong Bệnh viện; triển khai khoa dinh dưỡng lâm sàng, tổ dinh dưỡng tại các Bệnh viện.

d) Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân lực làm công tác thông tin, giáo dục, truyền thông tại các tuyến để nâng cao năng lực tuyên truyền.

đ) Cung cấp tài liệu đào tạo, tập huấn liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu, dinh dưỡng và hoạt động thể lực phòng chống bệnh mạn tính không lây nhiễm, tư vấn dinh dưỡng, dinh dưỡng lâm sàng và các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật liên quan khác.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Mạng lưới đội ngũ công chức viên chức làm công tác phòng chống suy dinh dưỡng được kiện toàn, được đào tạo và tập huấn.

a) Kiện toàn và bổ sung viên chức phụ trách dinh dưỡng các tuyến. Rà soát và bổ sung đảm bảo mỗi ấp/khu vực có ít nhất một cộng tác viên dinh dưỡng.

b) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện tiêu chí chuyên môn, kỹ thuật về dinh dưỡng và phòng chống bệnh không lây nhiễm cho mạng lưới y tế cơ sở.

c) Tổ chức tập huấn cho viên chức chuyên trách dinh dưỡng tuyến: thành phố, huyện, xã và cộng tác viên.

d) Tập huấn hàng năm cho viên chức làm công tác y tế trường học về các vấn đề liên quan đến dinh dưỡng (bao gồm đánh giá tình trạng dinh dưỡng, bữa ăn học đường, hoạt động thể lực, phòng chống thừa cân béo phì và bệnh không lây nhiễm).

2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.

a) Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em và phụ nữ

- Cấp viên nang Vitamin A cho trẻ em từ 6 - 60 tháng tuổi, trẻ em dưới 6 tháng tuổi không được bú sữa mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 01 tháng sau sinh.

- Bổ sung viên sắt/đá vi chất cho phụ nữ có thai và cho con bú. Bổ sung viên sắt/đá vi chất hàng tuần cho phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, trẻ gái vị thành niên.

- Bổ sung đa vi chất cho trẻ em, ưu tiên trẻ dưới 2 tuổi. Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy theo phác đồ được Bộ Y tế phê duyệt.

b) Theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em

- Cung cấp trang thiết bị theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ gồm: cân, thước đo (chiều cao đứng/chiều dài nằm), thước đo vòng cánh tay, cân đặc chủng để đo cân nặng của trẻ sơ sinh, biểu đồ phát triển cho trẻ dưới 2 tuổi.

- Theo dõi cân nặng của trẻ sơ sinh, tăng trưởng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.

c) Truyền thông nâng cao nhận thức của bà mẹ và người chăm sóc trẻ.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông giáo dục dinh dưỡng như: “Ngày vi chất dinh dưỡng, 1-2/6”, “Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển, 16-23/10”, “Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, 1-7/8”.

- Cung cấp tài liệu chuyên môn, tài liệu vật liệu truyền thông.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông:

+ Tổ chức các buổi thảo luận nhóm, thực hành dinh dưỡng, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng tại cấp xã cho bà mẹ (người chăm sóc trẻ) có con dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

+ Tổ chức thảo luận nhóm, hướng dẫn dinh dưỡng tại cấp xã cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú.

+ Tổ chức các hoạt động tư vấn và duy trì phòng khám tư vấn dinh dưỡng.

+ Truyền thông giáo dục dinh dưỡng trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài truyền thanh cấp huyện và cấp xã; viết bài phổ biến, tuyên truyền kiến thức và hướng dẫn thực hành về dinh dưỡng hợp lý đăng tại website của Sở Y tế và cung cấp thông tin, ảnh, bài cho Báo Cần Thơ, chuyên trang Sức khỏe cho mọi nhà...

d) Xây dựng các mô hình dinh dưỡng đặc thù

- Xây dựng mô hình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại các khu vực tập trung nhiều lao động nữ (khu công nghiệp, vùng sâu, vùng xa...)

- Xây dựng các câu lạc bộ tuyên truyền về cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.

3. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em lứa tuổi học đường.

a) Tổ chức truyền thông trong trường học, tư vấn phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thiếu máu dinh dưỡng cho học sinh và cha mẹ học sinh.

b) Tập huấn cho thành viên các câu lạc bộ, các đội tuyên truyền măng non, phát thanh măng non tuyên truyền về dinh dưỡng hợp lý và vệ sinh an toàn thực phẩm trong các trường học và trên địa bàn dân cư.

c) Tổ chức các cuộc thi, hội thi, các diễn đàn tìm hiểu nâng cao nhận thức cho thiếu nhi về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm cho thiếu nhi và viên chức phụ trách thiếu nhi.

d) Tổ chức hướng dẫn thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú.

đ) Hoàn thiện khuyến nghị bữa ăn học đường và mở rộng triển khai dự án bữa ăn học đường thông qua phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng.

e) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình sữa học đường.

g) Xây dựng và áp dụng quy định đồ uống và các thực phẩm bán ở căn tin trường học.

i) Tổ chức cân đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng học sinh.

k) Tẩy giun định kỳ cho trẻ học đường ở những nơi có tỷ lệ nhiễm giun cao.

4. Cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân.

a) Xây dựng mô hình sản xuất tạo nguồn thực phẩm sẵn có cho bữa ăn tại hộ gia đình.

b) Hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình đặc biệt những gia đình có con dưới 5 tuổi.

c) Hướng dẫn hộ nghèo tự sản xuất lương thực thực phẩm cung cấp cho bữa ăn đủ thành phần dinh dưỡng, đảm bảo tính cân đối.

d) Đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng.

5. Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng.

a) Cung cấp tài liệu truyền thông, tổ chức truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội và tại cộng đồng về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực phòng chống thừa cân - béo phì và bệnh không lây nhiễm, ưu tiên truyền thông giảm tiêu thụ muối; lồng ghép với các chiến dịch, chương trình truyền thông về dinh dưỡng và truyền thông phòng chống bệnh không lây nhiễm.

b) Xây dựng và triển khai mô hình tại cộng đồng cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng và hoạt động thể lực cho người dân và cho người bệnh có nhu cầu.

c) Triển khai phòng khám tư vấn dinh dưỡng và hoạt động thể lực tại Trung tâm Y tế tuyến thành phố và tuyến quận huyện cho dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm và giám sát điểm tại tất cả các tuyến từ thành phố đến cơ sở.

2. Đánh giá thông qua hệ thống thống kê báo cáo của các đơn vị triển khai thực hiện theo bộ chỉ số được thống nhất trên toàn quốc.

V. NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Nguồn ngân sách Nhà nước của Trung ương và địa phương.
2. Huy động cộng đồng, tổ chức trong nước.
3. Huy động nguồn kinh phí hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.
4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện can thiệp về dinh dưỡng và dự trù kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch trên phạm vi toàn thành phố; tổ chức sơ kết hàng năm và tổng kết việc thực hiện kế hoạch vào cuối năm 2020.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Y tế và tình hình thực tế của địa phương.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm để bố trí kinh phí thực hiện can thiệp về dinh dưỡng.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài trên địa bàn thông tin tuyên truyền về công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và các bệnh không truyền nhiễm. Phối hợp với Ngành y tế trong công tác quản lý việc quảng cáo các sản phẩm thực phẩm trên địa bàn.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì trong trường học; thực hiện tốt công tác y tế học đường.

b) Lồng ghép các chương trình giáo dục thay đổi hành vi về dinh dưỡng hợp lý và vận động thể lực phù hợp với trẻ em, học sinh trong trường học.

c) Tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, thực hiện tốt chương trình sữa học đường, tăng cường vận động thể lực cho trẻ em, học sinh; không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, nước ngọt có ga và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học.

c) Phối hợp với Ngành y tế theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng, can thiệp dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh trong trường học.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ, trẻ em thuộc hộ nghèo.

b) Chủ trì, phối hợp với Ngành y tế tuyên truyền và quan tâm chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động tại các khu công nghiệp; phối hợp thực hiện mô hình dinh dưỡng, mô hình nuôi con bằng sữa mẹ tại các khu công nghiệp.

6. Sở Công Thương

Tăng cường công tác quản lý về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe, hạn chế quảng cáo các sản phẩm dinh dưỡng không có lợi cho sức khỏe theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ và các tổ chức thành viên

a) Phối hợp với Ngành y tế phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, tạo nguồn thực phẩm tại chỗ, cải thiện bữa ăn gia đình cho các thành viên, hội viên.

b) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng hợp lý cho các hội viên, các bà mẹ có con dưới 5 tuổi; vận động hội viên và cộng đồng tích cực tham gia các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng, đặc biệt là chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và bữa ăn gia đình bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.

9. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Ban hành kế hoạch can thiệp về dinh dưỡng hàng năm, cấp kinh phí và chỉ đạo tổ chức thực hiện tại địa phương.

b) Tăng cường xã hội hóa huy động nguồn lực và phối hợp liên ngành nhằm thông tin, tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng ở địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các đơn vị gửi báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT. TU, TT. HỒND TP;
- CTPCT UBND TP;
- Các sở, ban ngành TP;
- UBMTTQ VN và các Đoàn thể TP;
- UBND quận, huyện;
- Công TTĐT TP;
- VP UBND TP (3C);
- Lưu: VT. Hành

CVD 4970

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tâm